

Phụ lục I
DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG TRẺ EM < 1 TUỔI, PHỤ NỮ CÓ THAI NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 28 /01/2026 của UBND phường Tân Phong)

STT	Tên đơn vị	Trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin			Trẻ tiêm Viêm gan B Sơ sinh		Phụ nữ có thai tiêm (UV2+)		
		Dự kiến T.s trẻ em < 1 tuổi	Dự kiến trẻ em < 1 tuổi TCĐĐ	Tỷ lệ (%)	Số trẻ tiêm được VGBSS trước 24h	Tỷ lệ (%)	Tổng số PNCT	Số PNCT tiêm UV2+	Tỷ lệ (%)
TỔNG CỘNG		498	482	96,85	446	89,6	498	481	96,6
1	Điểm trạm chính	110	106	96,36	98	89,1	120	118	98,3
2	Điểm trạm số 1	177	173	97,74	168	94,9	139	135	97,1
3	Điểm trạm số 2	75	74	98,67	68	90,7	85	81	95,3
4	Điểm trạm số 3	58	56	96,55	47	81,0	78	75	96,2
5	Điểm trạm số 4	78	73	93,59	65	83,3	76	72	94,7

Phụ lục II
DỰ KIẾN TRẺ TIÊM SỞI - RUBELLA, VIÊM NÃO NHẬT BẢN, Td NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 28 /01/2026 của UBND phường Tân Phong)

STT	Tên đơn vị	Trẻ 18 tháng tuổi tiêm Sởi - Rubella			Trẻ 18 tháng tuổi tiêm DPT mũi 4			Trẻ tiêm viêm não Nhật Bản B mũi 1 + 2			Trẻ tiêm viêm não Nhật Bản B mũi 3			Trẻ tiêm Td		
		Tổng số	Số trẻ được tiêm	Tỷ lệ %	Tổng số	Số trẻ được tiêm	Tỷ lệ %	Tổng số trẻ	Số trẻ được tiêm	Tỷ lệ %	Tổng số trẻ	Số trẻ được tiêm	Tỷ lệ %	Tổng số trẻ	Số trẻ được tiêm	Tỷ lệ %
Tổng cộng		501	490	97,8	501	490	97,8	498	486	97,6	500	487	97,4	686	658	95,9
1	Điểm trạm chính	123	121	98,4	123	121	98,4	120	118	98,3	113	110	97,3	172	165	95,9
2	Điểm trạm số 1	160	158	98,8	160	158	98,8	152	150	98,7	166	163	98,2	272	262	96,3
3	Điểm trạm số 2	73	70	95,9	73	70	95,9	76	73	96,1	76	73	96,1	98	94	95,9
4	Điểm trạm số 3	71	69	97,2	71	69	97,2	75	73	97,3	76	74	97,4	80	77	96,3
5	Điểm trạm số 4	74	72	97,3	74	72	97,3	75	72	96,0	69	67	97,1	64	60	93,8